

# Bà CỤ LỢM

" Cô gái Việt Nam ơi !  
từ thuở sơ sinh lận đận rồi.  
tôi muốn nạm vàng muôn cực khổ,  
cho lòng cô gái Việt Nam tươi "

bài thơ "Cảm xúc" Hồ Dzếnh

Dương Vu 54MD

Mảnh vườn bên cạnh đường nơi cuối làng, chung quanh trồng những bụi tre xanh vàng cao thẳng, mọc xen lẫn vài cây rừng dại, thân cây bé cong queo; giữa vườn có căn nhà nho nhỏ, mái lợp tôn, có nhiều miếng theo thời gian đã lổ chỗ rỉ sét. Vách quanh nhà được dựng bằng những tấm lá dừa khô. Cái sân đất phía trước nhà không rộng lắm, nhưng cũng khá bằng phẳng. Lối vào nhà cửa chính, được lát gạch nung đỏ và hai bên trồng mấy bụi cây hoa ngâu, hoa hồng; vườn sau nhà có một vài luống rau khoai, đôi ba cây ăn trái, và riêng ở góc vườn có một chiếc chuồng gà. Bà cụ, phỏng chừng trên bảy mươi, dáng nhỏ gầy, da ngăm ngăm, lưng hơi còng. Cụ sống một mình trong căn nhà với con chó cái tên Vện, có lẽ vì màu sắc bộ lông trắng xám đen lẫn lộn của con chó, nên cụ đặt cho nó cái tên: Con Vện.

Không một ai trong làng biết rõ về lý lịch của bà cụ, ngoài tên Lợm, tên do cụ tự nói cho mọi người biết. Qua giọng nói, người ta nghĩ cụ là người sinh trưởng ở một làng quê miền Bắc và cụ đến đây sinh sống đã mấy chục năm rồi. Dân trong làng thường gọi cụ bằng danh xưng: " cụ Hai Lợm", lối xưng hô trộn lẫn của hai miền Nam Bắc. Cụ không có họ hàng thân thuộc và quanh năm suốt tháng cũng không thấy ai đến thăm. Dù vậy, chưa bao giờ cụ than vãn với ai về số phận của đời mình. Lối sống an phận đơn chiếc của cụ, trải qua nhiều năm tháng đã trở thành hình ảnh quen thuộc, thân thương của mọi người trong làng,

Đàn trẻ con trong làng, thường ngày vào các buổi chiều, chúng nô đùa chạy nhảy trong khu vườn nhà cụ. Chúng bảo, chúng đến để giúp cụ những công việc lật vạt, nhưng thực ra, chúng đến, chỉ chơi đùa và chọc phá con chó Vện. Đôi khi, con Vện cũng chạy ùa theo đùa rồn cùng đàn trẻ. Có đôi lúc, trong trò chơi trốn tìm, chúng chạy cả vào tận bên trong gian phòng ngủ của cụ, nơi kê cái giường gỗ cũ kỹ, trên trải mảnh chiếu đã rách nát, xạm màu.

Cụ sống, không có nghề nghiệp nào nhất định. Dân trong làng, ai cần phụ giúp một việc gì, thường đến nhờ cụ. Khi thì ra ngoài đồng cấy lúa, lúc vun xới đất trồng mấy luống rau khoai, lúc hái rau xanh bằm chuối cho heo hay gánh đủ thứ loại mặt hàng, đem bán ngoài chợ làng, và có khi, đến cả việc trông chừng mấy đứa trẻ, để cho cha mẹ chúng lên tỉnh. Tiền công, ai cho gì cụ lấy cái đó, cho gạo lấy gạo, cho khoai lấy khoai, cho mắm lấy mắm; do đó, nên miếng ăn ngày hai bữa cũng tạm đủ. Đây là một trong những điểm làm dân làng có cảm tình thương mến cụ.

Thế rồi, đột nhiên bắt đầu từ mấy ngày nay, người ta lấy làm lạ, gặp ai đi đường, cụ cũng tươi cười chào đón thăm hỏi trong cử chỉ rất thân mật ; không như lúc trước, cụ chỉ chào hỏi cho có lệ. Đây là chuyện khác thường chưa từng xảy ra, trong mấy chục năm cụ sinh sống tại đây. Do đó, một vài người tò mò đi tìm hiểu lý do. Và rồi, theo đám trẻ, chúng thuật lại.

Buổi chiều hơn tuần trước, có một bà, cùng độ tuổi như bố mẹ chúng, bà ghé nhà thăm cụ và ở đó cho mãi đến tận chiều tối cũng chưa thấy ra về. Ngày hôm sau, chúng quay lại hỏi, bà cụ nói, đã ngủ lại qua đêm và về rồi. Cụ không nói cho chúng biết, người đàn bà xa lạ này là ai. Vậy điều gì xảy ra trong lúc người đàn bà xa lạ ghé thăm, rồi vội vàng ra đi. Động lực nào làm cụ, sau bao năm, sống âm thầm một mình, nay bỗng đứng tươi vui và niềm nở với tất cả mọi người.

Có rất nhiều thắc mắc được nêu ra, nhưng không giải thích nào rõ ràng. Liệu có phải bà ghé thăm là con cụ ? hay con cháu những người thân từ niềm bắc vào tìm, sau nhiều năm bị thất lạc; mà nếu là con gái hay người thân, sao cụ lại không nói ? không khoe khoang xóm làng? Lý do đích thực nào, đã làm cụ thay đổi hoàn toàn cách cư xử hằng ngày? Và cũng có thắc mắc đi xa hơn, sao cụ chỉ có cái tên Lượm, mà không có tên họ? Do bởi sự thay đổi đột ngột của cụ, lần đầu tiên làm dân làng bận tâm. Sau cùng, dẫn đến câu chuyện phỏng đoán của một người như sau:

Những tháng ngày năm gần cuối của đệ Nhị Thế chiến. Một đứa bé gái, chừng bốn năm tuổi lem lủi, tóc tai bù xù, áo quần rách nát, đi lang thang đầu đường cuối

ngõ, tối ngủ dưới các gầm bàn xó chợ, hay trong các miếu hoang bên đường. Để có được hai bữa cơm qua ngày, nó phải đi ăn xin từ làng này sang làng khác. Thế rồi, một ngày nọ, nó được một gia đình, nhận đem về nuôi, có lẽ vì lý do này, họ đặt cho nó cái tên, cũng y tên hiện nay của bà cụ. Mấy năm đầu còn bé, nó cũng được cho cắp sách đến trường, rồi thôi, không cho đi học nữa, để ở nhà giúp việc. Dựa theo số tuổi chất chồng của năm tháng, hằng ngày con bé phải làm đủ thứ việc, từ trong nhà ra đến ngoài đồng. Lúc nhỏ, quét dọn nhà, quét dọn sân, rải thóc gạo cho gà vịt ăn. Lớn dần, hái rau xanh bằm chuối để nấu cháo cám cho heo ăn, hay quét dọn chuồng heo, chuồng bò, cũng như cả công việc chăn trâu bò như mấy đứa con trai. Khi đã lớn, nó cũng đi cày, đi nhặt cỏ tủa lúa ngoài đồng ruộng. Hình ảnh một cuộc sống khá cơ cực, nhưng vẫn hơn cảnh phải sống lang thang đi ăn xin, ăn mày; vì ít ra, cũng yên tâm có cơm ăn ngày hai bữa, và cũng như, còn được ngủ trong nhà khi trời đông gió rét. Trong khi nó đang cam phận sống yên lành không sáo trộn, thì hiệp định đình chiến chia đôi đất nước xảy ra năm 54. Nó tuôn chạy theo đoàn người di cư vào miền Nam, và sinh sống cũng ở nơi vùng đất này. Lớn nên, lập gia đình và theo chồng sinh sống tại miền Trung, có hai ba đứa con. Cuộc di tản trốn chạy bom đạn vào tháng ba năm 75, bà bị lạc mất chồng, mất con, và để rồi sau những ngày tháng 4 năm 75, bà lại về sinh sống nơi đây; chỗ mà cách đây mấy chục năm trước, bà đi theo đoàn người di cư vào sinh sống lập nghiệp. Tinh tiết câu chuyện kể, được nhiều người biểu đồng tình và cho đó có thể chính là cuộc đời cụ.

Sinh hoạt trong làng vừa nhộn nhịp được ít ngày. Bỗng chốc, trong một buổi chiều, đám trẻ hốt hoảng chạy về nhà mách bố mẹ, chúng thấy bà cụ đã nằm chết trên giường. Người trong làng chạy đến, rồi mỗi người mỗi việc, cùng bàn thảo lo tang lễ cho cụ. Có người nói, đừng nên chôn cất vội, hãy chờ đợi, biết đâu, người đàn bà lúc trước quay trở lại hay bà cụ linh thiêng báo mộng gọi con cháu về chịu tang. Tuy nhiên, ít ngày sau, đám tang cụ cũng buộc phải tiến hành. Buổi sáng hôm đám tang, trời không nắng, mây âm u, gió mát thổi lành lạnh; có khá nhiều dân trong làng đến tham dự, có người vì cảm tình thương mến, có người đến để thương tiếc cho số phận cụ đơn cô, và cũng có người đến đưa đám, để cầu mong giờ phút chót, thấy được một người thân về tiễn đưa cụ lần cuối. Theo sau quan tài cụ, không có một vành khăn trắng nào chịu tang, mà chỉ có những người lớn tuổi, những thanh niên trai gái trong làng, đám trẻ nhỏ thường ngày, và con Vện cũng đi theo, có lúc nó đi xen lẫn trong hàng ngũ bầy trẻ nhỏ, có lúc nó lăm lăm một mình ở mãi tận phía sau. Tất cả nối đuôi

nhau, đi chậm chậm trong im lặng, trên con đường đất đỏ, tiến về phía nghĩa trang bìa rừng làng. Nơi hạ huyệt, không một lời từ biệt nào dành cho cụ, cũng không có đôi ba câu cảm tạ của tang gia; không một tiếng tụng kinh gõ mõ, và cũng không có cả những lời bài thánh ca tiễn biệt. Một đám tang kết thúc trong âm thầm đơn sơ, nó cũng giống y như nếp sống đơn chiếc cuộc đời cụ, tại cái làng nhỏ bé này. Sau đám tang, con Vện không chịu theo đàn trẻ về làng, mặc dù bọn trẻ kêu gọi nó nhiều lần, nhưng nó vẫn nằm im bất động, cạnh nấm mồ bà cụ, đất vừa mới đắp xong, chưa có cỏ mọc rêu xanh.

Hơn tuần lễ sau ngày chôn cất, đám trẻ nhỏ chần trầu, chúng chạy về thông tin, con chó Vện đã nằm chết bên cạnh mộ bà cụ. Một vài người dân trong làng chạy ra; nơi phía đầu ngôi mộ cụ, dưới cục đất, một mảnh giấy nhỏ rách nhàu nát với nét chữ siêu vẹo và dấu mực bị nhạt nhòa, hàng chữ viết: “ Xin tha thứ cho con, đến quá trễ”

Ngày hiền mẫu, tháng năm, hai ngàn mười một

Dương Vu 54MD